

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

|                                   |                |
|-----------------------------------|----------------|
| CHỈ CỤC AN TOÀN VỆ SINH THỰC PHẨM |                |
| Số: 2284                          | ngày 18/8/2026 |
| CHUYÊN                            |                |
| Lãnh đạo CC                       |                |
| Phòng                             |                |
| Sao                               |                |

**BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM**

Số: 02/TCBCL-DFVN2026/

**I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm**

Tên tổ chức cá nhân: CÔNG TY CỔ PHẦN DIAMOND FOOD VIỆT NAM

Địa chỉ: Lô CN04 - ô số 20, Cụm công nghiệp Phạm Ngũ Lão - Nghĩa Dân, Xã Nghĩa Dân, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam.

Điện thoại: 0221 3580668; Fax: 0221 3580669

E-mail: diamondfoodvn.jsc@gmail.com

Mã số doanh nghiệp: 0900596723

Số Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP: Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm

Số cấp: 30/2026/GCNATTP-SCT ngày 23 tháng 4 năm 2026

**II. Thông tin về sản phẩm**

1. Tên sản phẩm: Bánh mỳ Karfy hạnh nhân

2. Thành phần: Bột mỳ, đường, bơ thực vật, trứng gà (2%), nước đường high fructose, trahalose, hạnh nhân (2%), sữa bột béo New Zealand (1%), bơ lạt (1%), dầu thực vật, sorbitol, glycerin, men, chất nhũ hóa (INS 471, INS 561, INS 481(i), INS 473), muối, chất bảo quản (INS 282, INS 200), hương thực phẩm tổng hợp (hương bơ, hương sữa), màu thực phẩm tổng hợp (INS 160a(i)).

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: Thông tin trên bao bì sản phẩm.

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

- Sản phẩm được đóng trong bao bì nhựa: PA, PE, OPP, MCPP, CPP đạt QCVN 12-1:2011/BYT về an toàn vệ sinh đối với bao bì, dụng cụ bằng nhựa tổng hợp tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm.

- Quy cách bao gói:

+ Túi: Khối lượng tịnh: 30g, 35g, 40g, 45g, 50g, 55g, 60g, 65g, 70g, 75g, 80g, 85g, 90g, 95g, 100g, hoặc khối lượng khác thay đổi theo yêu cầu của khách hàng và được ghi rõ trên bao bì sản phẩm.

+ Thùng: 10 túi, 15 túi, 20 túi, 25 túi, 30 túi, 35 túi, 40 túi, 45 túi, 50 túi, 55 túi, và theo khách hàng yêu cầu.

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm (trường hợp thuê cơ sở sản xuất): không.

**III. Mẫu nhãn sản phẩm (nhãn sản phẩm dự kiến đính kèm)**

**IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm**

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

- Luật An toàn thực phẩm số 55/2010/QH12 của Quốc hội.

- Nghị định 15/2018/NĐ-CP của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn Thực Phẩm.

- Nghị định số 37/2026/NĐ-CP của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa.
- Thông tư 09/VBHN-BYT của Bộ Y tế Quy định về quản lý và sử dụng phụ gia thực phẩm.
- Thông tư 30/2026/TT-BYT của Bộ Y tế hướng dẫn nội dung, cách ghi thành phần dinh dưỡng, giá trị dinh dưỡng trên nhãn sản phẩm.
- Theo QCVN 8-1:2011/BYT của Bộ Y tế Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm.
- Theo QCVN 8-2:2011/BYT của Bộ Y tế Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm.
- Theo tiêu chuẩn cơ sở của nhà sản xuất đính kèm và các văn bản liên quan đến việc đảm bảo an toàn thực phẩm theo quy định hiện hành.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố.

Hưng Yên, ngày 15 tháng 8 năm 2026

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN**

(Ký tên, đóng dấu)



**GIÁM ĐỐC**  
**NGUYỄN VĂN THẮNG**

## NỘI DUNG NHÃN SẢN PHẨM DỰ KIẾN

- Tên sản phẩm: Bánh mì Karfy hạnh nhân
- Thành phần: Bột mì, đường, bơ thực vật, trứng gà (2%), nước đường high fructose, trahalose, hạnh nhân (2%), sữa bột béo New Zealand (1%), bơ lạc (1%), dầu thực vật, sorbitol, glycerin, men, chất nhũ hóa (INS 471, INS 561, INS 481(i), INS 473), muối, chất bảo quản (INS 282, INS 200), hương thực phẩm tổng hợp (hương bơ, hương sữa), màu thực phẩm tổng hợp (INS 160a(i)).
- Thông tin dinh dưỡng trung bình trong 100 g sản phẩm:

|                         |            |
|-------------------------|------------|
| Thành phần              | Trong 100g |
| Năng lượng/ Energy      | 344 kcal   |
| Chất đạm/ Protein       | 8,74 g     |
| Gluxit/ Carbohydrate    | 47,8 g     |
| Đường tổng/ Total sugar | 12,2 g     |
| Chất béo/ Lipit         | 13,1 g     |
| Natri/ Sodium           | 260 mg     |

Lưu ý: Giá trị dinh dưỡng trung bình nằm trong khoảng  $\pm 29 \%$  so với mức công bố.

- Khối lượng tịnh: Theo yêu cầu khách hàng
- Ngày sản xuất: In trên bao bì
- Hạn sử dụng: 90 ngày kể từ ngày sản xuất
- Hướng dẫn sử dụng: Sử dụng ngay khi mở bao bì
- Hướng dẫn bảo quản: Bảo quản nơi khô ráo thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp
- Thông tin cảnh báo: Sản phẩm có chứa bột mì, trứng, sữa, đậu nành. Không ăn sản phẩm khi có dấu hiệu hư hỏng hoặc bao bì bị hở. Không dùng sản phẩm hết hạn sử dụng.
- Thương nhân công bố sản xuất và chịu trách nhiệm về sản phẩm:
- + Tên thương nhân: CÔNG TY CỔ PHẦN DIAMOND FOOD VIỆT NAM
- + Địa chỉ: Lô CN04 - ô số 20, Cụm công nghiệp Phạm Ngũ Lão - Nghĩa Dân, Xã Nghĩa Dân, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam.
- Số TCB: 02/TCBCL-DFVN/2026
- Xuất xứ: Việt Nam

## TIÊU CHUẨN CƠ SỞ CỦA NHÀ SẢN XUẤT

- Tên sản phẩm: Bánh mỳ Karfy hạnh nhân
- Thương nhân công bố sản xuất và chịu trách nhiệm về sản phẩm:
- + Tên thương nhân: CÔNG TY CỔ PHẦN DIAMOND FOOD VIỆT NAM
- + Địa chỉ: Lô CN04 - ô số 20, Cụm công nghiệp Phạm Ngũ Lão - Nghĩa Dân, Xã Nghĩa Dân, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam.

### 1. Chỉ tiêu cảm quan.

- Màu sắc: màu vàng đặc trưng sản phẩm.
- Mùi vị: thơm, mềm

### 2. Chỉ tiêu an toàn.

#### 2.1. Giới hạn về vi sinh vật

| TT | Tên chỉ tiêu                 | Đơn vị tính | Mức tối đa |
|----|------------------------------|-------------|------------|
| 1  | Tổng số vi sinh vật hiếu khí | CFU/g       | $10^6$     |
| 2  | Staphylococcus aureus        | CFU/g       | $10^2$     |
| 3  | Bacillus cereus              | CFU/g       | $10^2$     |
| 4  | Tổng số bào tử nấm men - mốc | CFU/g       | $10^3$     |

#### 2.2. Giới hạn về kim loại : QCVN 8-2:2011/BYT của Bộ Y tế Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm.

| TT | Tên chỉ tiêu          | Đơn vị tính | Mức tối đa |
|----|-----------------------|-------------|------------|
| 1  | Hàm lượng chì (Pb)    | mg/kg       | 0,2        |
| 2  | Hàm lượng Cadimi (Cd) | mg/kg       | 0,4        |

#### 2.3. Giới hạn về vi nấm : QCVN 8-1:2011/BYT của Bộ Y tế Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm.

| TT | Tên chỉ tiêu       | Đơn vị tính      | Mức tối đa |
|----|--------------------|------------------|------------|
| 1  | Anflatoxin B1      | $\mu\text{g/kg}$ | 2          |
| 2  | Anflatoxin tổng số | $\mu\text{g/kg}$ | 4          |
| 3  | Ochratoxin A       | $\mu\text{g/kg}$ | 3          |

#### 2.4. Giá trị dinh dưỡng trung bình trong 100g sản phẩm.

| STT | Tên chỉ tiêu            | Đơn vị tính | Mức công bố |
|-----|-------------------------|-------------|-------------|
| 1   | Năng lượng/ Energy      | kcal/100g   | 344         |
| 2   | Chất đạm/ Protein       | g/100g      | 8,74        |
| 3   | Gluxit/ Carbohydrate    | g/100g      | 47,8        |
| 4   | Đường tổng/ Total sugar | g/100g      | 12,2        |
| 5   | Chất béo/ Lipit         | g/100g      | 13,1        |
| 6   | Natri/ Sodium           | mg/100g     | 260         |

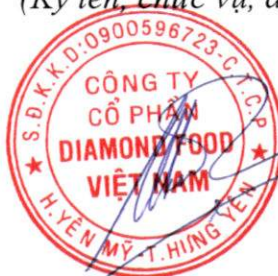
Lưu ý: Giá trị dinh dưỡng trung bình nằm trong khoảng  $\pm 29\%$  so với mức công bố.

- 2.5. Phụ gia thực phẩm: Theo thông tư 09/VBHN-BYT của Bộ Y tế.
3. Hướng dẫn sử dụng: Sử dụng ngay khi mở bao bì
4. Hướng dẫn bảo quản: Bảo quản nơi khô ráo thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp
5. Ngày sản xuất, hạn sử dụng:
- Ngày sản xuất: In trên bao bì sản phẩm.
  - Hạn sử dụng: 90 ngày kể từ ngày sản xuất.
6. Thông tin cảnh báo: Sản phẩm có chứa bột mỳ, trứng, sữa, đậu nành. Không ăn sản phẩm khi có dấu hiệu hư hỏng hoặc bao bì bị hở. Không dùng sản phẩm hết hạn sử dụng.

Hưng Yên, ngày 15 tháng 8 năm 2026

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN**

(Ký tên, chức vụ, đóng dấu)



**GIÁM ĐỐC**  
**NGUYỄN VĂN THẮNG**



**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

|                                          |                                      |
|------------------------------------------|--------------------------------------|
| <b>CHI CỤC AN TOÀN VỆ SINH THỰC PHẨM</b> |                                      |
| <b>CÔNG<br/>VĂN<br/>ĐẾN</b>              | Số <u>2283</u> ngày <u>26/8/2026</u> |
|                                          | <b>CHUYÊN</b>                        |
|                                          | Lãnh đạo CC.....                     |
|                                          | Phòng.....                           |
| Sân.....                                 |                                      |

**BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM**

Số: 01/TCBCL-DFVN/2026

**I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm**

Tên tổ chức cá nhân: CÔNG TY CỔ PHẦN DIAMOND FOOD VIỆT NAM

Địa chỉ: Lô CN04 - ô số 20, Cụm công nghiệp Phạm Ngũ Lão - Nghĩa Dân, Xã Nghĩa Dân, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam.

Điện thoại: 0221 3580668 ;

E-mail: diamondfoodvn.jsc@gmail.com

Mã số doanh nghiệp: 0900596723

Số Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP: Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm

Số cấp: 30/2026/GCNATTP-SCT ngày 23 tháng 4 năm 2026

**II. Thông tin về sản phẩm**

1. Tên sản phẩm: Bánh mỳ Karfy chà bông

2. Thành phần: Bột mỳ, đường, bơ thực vật, trứng gà (2%), nước đường high fructose, trahalose, chà bông (2%), sữa bột béo New Zealand (1%), bơ hạt (1%), dầu thực vật, sorbitol, glycerin, men, chất nhũ hóa (INS 471, INS 561, INS 481(i), INS 473), muối, chất bảo quản (INS 282, INS 200), hương thực phẩm tổng hợp (hương bơ, hương sữa), màu thực phẩm tổng hợp (INS 160a(i), INS 110).

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: Thông tin trên bao bì sản phẩm.

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

- Sản phẩm được đóng trong bao bì nhựa: PA, PE, OPP, MCPP, CPP đạt QCVN 12-1:2011/BYT về an toàn vệ sinh đối với bao bì, dụng cụ bằng nhựa tổng hợp tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm.

- Quy cách bao gói:

+ Túi: Khối lượng tịnh: 30g, 35g, 40g, 45g, 50g, 55g, 60g, 65g, 70g, 75g, 80g, 85g, 90g, 95g, 100g, hoặc khối lượng khác thay đổi theo yêu cầu của khách hàng và được ghi rõ trên bao bì sản phẩm.

+ Thùng: 10 túi, 15 túi, 20 túi, 25 túi, 30 túi, 35 túi, 40 túi, 45 túi, 50 túi, 55 túi, và theo khách hàng yêu cầu.

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm (trường hợp thuê cơ sở sản xuất): không

**III. Mẫu nhãn sản phẩm** (nhãn sản phẩm dự kiến đính kèm).

**IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm**

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

- Luật An toàn thực phẩm số 55/2010/QH12 của Quốc hội.

- Nghị định 15/2018/NĐ-CP của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn Thực Phẩm.

- Nghị định số 37/2026/NĐ-CP của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa.
- Thông tư 09/VBHN-BYT của Bộ Y tế Quy định về quản lý và sử dụng phụ gia thực phẩm.
- Thông tư 30/2026/TT-BYT của Bộ Y tế hướng dẫn nội dung, cách ghi thành phần dinh dưỡng, giá trị dinh dưỡng trên nhãn sản phẩm.
- Theo QCVN 8-1:2011/BYT của Bộ Y tế Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm.
- Theo QCVN 8-2:2011/BYT của Bộ Y tế Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm.
- Theo tiêu chuẩn cơ sở của nhà sản xuất đính kèm và các văn bản liên quan đến việc đảm bảo an toàn thực phẩm theo quy định hiện hành.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố.

Hưng Yên, ngày 15 tháng 8 năm 2026

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN**

(Ký tên, đóng dấu)



**GIÁM ĐỐC**  
**NGUYỄN VĂN THẮNG**

## NỘI DUNG NHÃN SẢN PHẨM DỰ KIẾN

- Tên sản phẩm: Bánh mì Karfy chà bông
- Thành phần: Bột mì, đường, bơ thực vật, trứng gà (2%), nước đường high fructose, trahalose, chà bông (2%), sữa bột béo New Zealand (1%), bơ lạt (1%), dầu thực vật, sorbitol, glycerin, men, chất nhũ hóa (INS 471, INS 561, INS 481(i), INS 473), muối, chất bảo quản (INS 282, INS 200), hương thực phẩm tổng hợp (hương bơ, hương sữa), màu thực phẩm tổng hợp (INS 160a(i), INS 110).
- Giá trị dinh dưỡng trung bình trong 100 g sản phẩm:

| Thành phần              | Trong 100g |
|-------------------------|------------|
| Năng lượng/ Energy      | 342 kcal   |
| Chất đạm/ Protein       | 8,85 g     |
| Gluxit/ Carbohydrate    | 48,1 g     |
| Đường tổng/ Total sugar | 12,7 g     |
| Chất béo/ Lipit         | 12,7 g     |
| Natri/ Sodium           | 278 mg     |

Lưu ý: Giá trị dinh dưỡng trung bình nằm trong khoảng  $\pm 29\%$  so với mức công bố.

- Khối lượng tịnh: Theo yêu cầu khách hàng
- Ngày sản xuất, hạn sử dụng: In trên bao bì
- Thời hạn sử dụng: 90 ngày kể từ ngày sản xuất
- Hướng dẫn sử dụng: Sử dụng ngay khi mở bao bì
- Hướng dẫn bảo quản: Bảo quản nơi khô ráo thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp
- Thông tin cảnh báo: Sản phẩm có chứa bột mì, trứng, sữa, đậu nành. Không ăn sản phẩm khi có dấu hiệu hư hỏng hoặc bao bì bị hở. Không dùng sản phẩm hết hạn sử dụng.
- Thương nhân công bố sản xuất và chịu trách nhiệm về sản phẩm:
- + Tên thương nhân: CÔNG TY CỔ PHẦN DIAMOND FOOD VIỆT NAM
- + Địa chỉ: Lô CN04 - ô số 20, Cụm công nghiệp Phạm Ngũ Lão - Nghĩa Dân, Xã Nghĩa Dân, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam.
- Số TCB: 01/2026/TCBCL-DFVN
- Xuất xứ: Việt Nam

## TIÊU CHUẨN CƠ SỞ

- Tên sản phẩm: Bánh mỳ Karfy chà bông
- Thương nhân công bố sản xuất và chịu trách nhiệm về sản phẩm:
- + Tên thương nhân: CÔNG TY CỔ PHẦN DIAMOND FOOD VIỆT NAM
- + Địa chỉ: Lô CN04 - ô số 20, Cụm công nghiệp Phạm Ngũ Lão - Nghĩa Dân, Xã Nghĩa Dân, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam.

### 1. Chỉ tiêu cảm quan

- Màu sắc: màu vàng đặc trưng sản phẩm
- Mùi vị: thơm, mềm

### 2. Chỉ tiêu an toàn.

#### 2.1. Giới hạn về vi sinh vật

| TT | Tên chỉ tiêu                 | Đơn vị tính | Mức tối đa |
|----|------------------------------|-------------|------------|
| 1  | Tổng số vi sinh vật hiếu khí | CFU/g       | $10^6$     |
| 2  | Staphylococcus aureus        | CFU/g       | $10^2$     |
| 3  | Bacillus cereus              | CFU/g       | $10^2$     |
| 4  | Tổng số bào tử nấm men - mốc | CFU/g       | $10^3$     |

#### 2.2. Giới hạn về kim loại : QCVN 8-2:2011/BYT của Bộ Y tế Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm.

| TT | Tên chỉ tiêu          | Đơn vị tính | Mức tối đa |
|----|-----------------------|-------------|------------|
| 1  | Hàm lượng chì (Pb)    | mg/kg       | 0,2        |
| 2  | Hàm lượng Cadimi (Cd) | mg/kg       | 0,4        |

#### 2.3. Giới hạn về vi nấm : QCVN 8-1:2011/BYT của Bộ Y tế Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm.

| TT | Tên chỉ tiêu       | Đơn vị tính      | Mức tối đa |
|----|--------------------|------------------|------------|
| 1  | Anflatoxin B1      | $\mu\text{g/kg}$ | 2          |
| 2  | Anflatoxin tổng số | $\mu\text{g/kg}$ | 4          |
| 3  | Ochratoxin A       | $\mu\text{g/kg}$ | 3          |

#### 2.4. Giá trị dinh dưỡng trung bình trong 100g sản phẩm.

| STT | Tên chỉ tiêu            | Đơn vị tính | Mức công bố |
|-----|-------------------------|-------------|-------------|
| 1   | Năng lượng/ Energy      | kcal/100g   | 342         |
| 2   | Chất đạm/ Protein       | g/100g      | 8,85        |
| 3   | Gluxit/ Carbohydrate    | g/100g      | 48,1        |
| 4   | Đường tổng/ Total sugar | g/100g      | 12,7        |
| 5   | Chất béo/ Lipit         | g/100g      | 12,7        |
| 6   | Natri/ Sodium           | mg/100g     | 278         |

Lưu ý: Giá trị dinh dưỡng trung bình nằm trong khoảng  $\pm 29\%$  so với mức công bố.

6. Thông tin cảnh báo: Sản phẩm có chứa bột mỳ, trứng, sữa, đậu nành. Không ăn sản phẩm khi có dấu hiệu hư hỏng hoặc bao bì bị hở. Không dùng sản phẩm hết hạn sử dụng.

(Ký tên, chức vụ, đóng dấu)



GIÁM ĐỐC  
NGUYỄN VĂN THẮNG

